

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
KHU VỰC 3 – THANH HOA**

Bản án số: 18/2026/DS-ST

Ngày: 14/4/2026

V/v "Thực hiện nghĩa vụ trả tiền  
trong hợp đồng"

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 – THANH HÓA**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Đặng Thanh Tuấn

*Các hội thẩm nhân dân:* Ông Lê Hữu Thủy và ông Nguyễn Xuân Thu.

***Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Thủy - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 3 – Thanh Hóa.

Ngày 14 tháng 4 năm 2026, tại Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 3 – Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 78/2025/TLST- DS ngày 20/10/2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 10/QĐXXST-DS ngày 09/3/2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 24/2026/QĐDS - ST ngày 25/3/2026 giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Công ty TNHH J1.

Địa chỉ trụ sở: Xã B, tỉnh Phú Thọ.

Địa chỉ liên hệ: Văn phòng Đ tầng 16, tòa P, số A T, phường T, Tp . Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Hoàng Phan T – Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Hoàng Nhân Á - Chức vụ: Nhân viên pháp lý. Vắng mặt

*Bị đơn:* Ông Ngô Văn T1, sinh năm: 1994. Vắng mặt

Địa chỉ: Thôn Đ, xã Đ, tỉnh Thanh Hóa.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án, Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn – Bà Nguyễn Hoàng Nhân Á trình bày:*

Ông Ngô Văn T1 đã đăng ký mua hàng của Công ty TNHH J1 theo đề nghị mở CODE mới ngày 28/8/2020, mặt hàng là sản phẩm thức ăn thủy sản được sản xuất bởi Japfa để phục vụ hoạt động sản xuất của ông T1. Từ ngày 03/4/2023 đến ngày 21/7/2023, Công ty TNHH J1 và ông Ngô Văn T1 xác lập mua bán hàng hóa, theo đó

ông **T1** sẽ mua sản phẩm thức ăn thủy sản được sản xuất bởi Japfa để phục vụ hoạt động kinh doanh của ông **T1**. Chi tiết các đợt mua hàng như sau:

Ngày 03/4/2023 khối lượng hàng hóa đã mua là 14.300kg (có phiếu xuất kho/giao hàng kèm theo);

Ngày 20/6/2023 khối lượng hàng hóa đã mua là 5.000kg (có phiếu xuất kho/giao hàng kèm theo);

Ngày 21/7/2023 khối lượng hàng hóa đã mua là 2.000kg (có phiếu xuất kho/giao hàng kèm theo);

Tổng cộng ông **T1** đã mua 21.300kg.

Tại biên bản xác nhận về việc kế hoạch thanh toán công nợ ngày 11/12/2023, ông **T1** xác nhận số tiền nợ **J** là 237.765.000đ và cam kết tiến độ thanh toán là trả 20.000.000 đồng mỗi tháng và bắt đầu trả từ tháng 01/2024. Tính đến thời điểm hiện tại ông **T1** chưa thanh toán bất kỳ khoản tiền nào cho **Công ty J2** và đã vi phạm cam kết về tiến độ thanh toán. Theo các phiếu xuất kho/giao hàng thể hiện **Công ty J2** đã hoàn thành nghĩa vụ giao hàng và nghĩa vụ thanh toán của ông **T1** phát sinh từ thời điểm Japfa hoàn thành nghĩa vụ giao hàng, đợt hàng cuối cùng **Công ty J2** giao cho ông **T1** là vào ngày 21/07/2023, vì vậy ông **T1** đã chậm thanh toán từ ngày 22/07/2023.

Nay **Công ty TNHH J1** đề nghị Tòa án nhân dân khu vực 3 – Thanh Hóa giải quyết buộc ông **Ngô Văn T1** thanh toán số tiền mua hàng còn nợ là 237.765.000đ (Hai trăm ba mươi bảy triệu, bảy trăm sáu mươi lăm nghìn đồng) và yêu cầu tính tiền lãi suất chậm trả từ ngày 22/7/2023 cho đến ngày Tòa án giải quyết, xét xử xong vụ án. Mức lãi suất theo quy định của pháp luật.

Ngày 05/01/2026 **Công ty TNHH J1** có đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với ông **Ngô Văn T1**, trong đơn **Công ty J2** xin rút một phần yêu cầu khởi kiện yêu cầu ông **T1** thanh toán lãi suất chậm trả tính từ ngày 22/7/2023 theo quy định của pháp luật hiện hành

Đối với bị đơn ông **Ngô Văn T1**, sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, thông báo yêu cầu cung cấp chứng cứ, thông báo phiên họp và hòa giải nhiều lần nhưng bị đơn không có ý kiến gì cũng không đến Tòa án làm việc, nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến của các bị đơn.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền và quan hệ pháp luật tranh chấp:

Bị đơn ông **Ngô Văn T1** có nơi thường trú tại **Thôn Đ, xã Đ, tỉnh Thanh Hóa**. Nguyên đơn **Công ty TNHH J1** có đơn khởi kiện yêu cầu anh **T1** phải thực hiện nghĩa vụ trả tiền. Yêu cầu của nguyên đơn phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 nên đây là vụ án “Thực hiện nghĩa vụ trả tiền trong hợp đồng” thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân khu vực 3 – Thanh Hóa.

[1.2] Về thời hiệu khởi kiện:

Thời hiệu khởi kiện để yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp hợp đồng là 03 năm kể từ ngày người có quyền yêu cầu biết hoặc phải biết quyền và lợi ích hợp pháp của mình bị xâm phạm, ông **Ngô Văn T1** đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ cho **Công ty TNHH J1** kể từ tháng 01/2024 nên thời hiệu khởi kiện đối với vụ án áp dụng theo điều 429 Bộ luật dân sự.

[1.3] Về tố tụng: Ông **Ngô Văn T1** đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt lần thứ hai không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan; Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà **Nguyễn Hoàng Nhân Á** có đơn xin xét xử vắng mặt. Theo quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt ông **Ngô Văn T1** và bà **Nguyễn Hoàng Nhân Á**.

[2]. Về nội dung vụ án:

\* Đối với yêu cầu của nguyên đơn về việc đề nghị Tòa án nhân dân Khu vực 3 – Thanh Hóa buộc ông **Ngô Văn T1** phải thanh toán số tiền nợ là 237.765.000đ, Hội đồng xét xử thấy rằng: **Công ty J2** đã cung cấp tài liệu chứng cứ là Đề nghị mở code mới cho ông **Ngô Văn T1** để đăng ký mua hàng của Công ty từ ngày 28/8/2020, mặt hàng là sản phẩm thức ăn thủy sản, và các phiếu xuất kho/giao hàng từ ngày 03/4/2023 đến ngày 21/7/2023 trong đó có nội dung khối lượng hàng hóa ông **T1** đã mua của **Công ty J2**. Biên bản thanh toán công nợ ngày 11/12/2023 thỏa thuận ông **Ngô Văn T1** còn nợ **Công ty J2** số tiền chưa thanh toán tính đến ngày 05/12/2023 là 237.765.000đ, do đang gặp khó khăn và công việc gia đình nên xin Công ty chấp thuận cho ông **T1** được trả chậm dần dần với kế hoạch như sau: Trả mỗi tháng 20.000.000đ cho đến khi hết công nợ, thời gian trả nợ bắt đầu từ ngày 15/01/2024.

Như vậy có căn cứ để xác định việc mua bán việc mua bán giữa ông **Ngô Văn T1** và **Công ty TNHH J1** là có thật, hai bên đã chốt nợ và thời gian trả nợ, việc thực hiện hợp đồng mua bán đã hoàn tất và thay thế bằng thỏa thuận mới. Do đó, việc **công ty J2** yêu cầu ông **Ngô Văn T1** phải trả số tiền nợ mua hàng chưa thanh toán là 237.765.000đ là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật nên cần chấp nhận.

\* Đối với yêu cầu trả tiền lãi suất chậm trả từ ngày 22/7/2023: Ngày 05/01/2026 **Công ty TNHH J1** có đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với ông **Ngô Văn T1** về việc yêu cầu ông **T1** thanh toán lãi suất chậm trả tính từ ngày

22/7/2023 theo quy định của pháp luật hiện hành, xét thấy việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của Công ty là hoàn toàn tự nguyện nên được chấp nhận và không xem xét giải quyết đối với yêu cầu tính lãi suất.

[3]. Về án phí: Do chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên bị đơn ông **Ngô Văn T1** phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí cho nguyên đơn.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ: khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 244, Điều 266, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Luật số 85/2025/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của bộ luật tố tụng dân sự, luật tố tụng hành chính, luật tư pháp người chưa thành niên, luật phá sản và luật hoà giải, đối thoại tại Tòa án.

Căn cứ Điều 280 Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu tính tiền lãi suất chậm trả từ ngày 22/7/2023 cho đến ngày Tòa án giải quyết, xét xử xong vụ án. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc: Buộc ông **Ngô Văn T1** phải trả cho **Công ty TNHH J1** số tiền mua hàng còn thiếu là 237.765.000đ (Hai trăm ba mươi bảy triệu, bảy trăm sáu mươi lăm nghìn đồng).

2. Về án phí: Buộc ông **Ngô Văn T1** phải chịu 11.888.250đ (Mười một triệu, tám trăm tám mươi tám nghìn, hai trăm năm mươi đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho nguyên đơn **Công ty TNHH J1** số tiền 5.944.000đ (Năm triệu, chín trăm bốn mươi bốn nghìn đồng) tạm ứng án phí dân sự đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005819 ngày 23/5/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Krông A Na, tỉnh Đắk Lắk (nay là cơ quan Thi hành án Dân sự tỉnh Đắk Lắk).

3. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Nguyên đơn và bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được tổng đạt, niêm yết hợp lệ. Thời hạn kháng nghị của Viện kiểm sát cùng cấp và cấp trên theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- VKSND khu vực 3-Thanh Hóa;
- THADS tỉnh Đắk Lắk;
- THADS tỉnh Thanh Hóa;
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Đặng Thanh Tuấn**